

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Hà

2. Bà Phạm Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2018/TLST - HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 27 ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Bích H**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: **Anh Hà Huy H1**, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ 05, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Bích H trình bày:

* Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H và anh Hà Huy H1 đăng ký kết hôn ngày 26/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh H1 thường xuyên đi làm xa, không có thời gian chia sẻ, giúp đỡ chị trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H và anh H1 đã sống ly thân từ tháng 6/2018, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hà Huy H1.

* Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị H và anh H1 không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Huy H1 vắng mặt. Nhưng trong bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, anh H1 trình bày:

* Về hôn nhân: Anh H1 xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như lời chị H đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai là đúng. Nhưng anh không nhất trí với những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị H. Theo anh H1, giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những xung đột hết sức bình thường trong cuộc sống vợ chồng. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để anh và chị H được đoàn tụ.

* *Về con chung*: Anh và chị H không có con chung

* *Về chia tài sản, nợ chung*: Anh và chị H không có tài sản, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hà Huy H1, căn cứ khoản 1 Điều 28 BLTTDS, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Anh Hà Huy H1 có hộ khẩu thường trú tại tổ 05, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Huy H1 vắng mặt. *Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Bích H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh H1 thường xuyên làm việc xa nhà, không có thời gian chia sẻ, giúp đỡ chị trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn giữa chị và anh H1 đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H1 đến để hòa giải, nhưng chị H không nhất trí đoàn tụ nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H được ly hôn với anh Hà Huy H1

2. Về án phí: Chị Lê Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0000574 ngày 20/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị Bích H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Huy H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND p. Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁷⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁸⁾..... *tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST

ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾

2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽²⁰⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ⁽²¹⁾

4. Người làm chứng ⁽²²⁾

5. Người giám định: ⁽²³⁾

6. Người phiên dịch: ⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN: ⁽²⁵⁾

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: ⁽²⁶⁾

[1]

[2]

[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào ⁽²⁷⁾

⁽²⁸⁾

..... (
²⁹⁾
